

Bản án số: 57/2021/DSPT

Ngày: 29/7/2021

V/v: "Tranh chấp thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quế.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thủy và bà Dương Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Thanh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:

Bà Đỗ Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 và ngày 29 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2006/TLPT - DS ngày 12 tháng 4 năm 2006 về tranh chấp thừa kế.

Do bản dân sự sơ thẩm số: 45/2006/DS - ST ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Toà án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 30/QĐPT-DS ngày 11 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự;

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến P, sinh năm 1948;

Địa chỉ: Số nhà 05, ngõ 610/1, phường TT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Cường Đ, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Xóm T Th2, xã TQ, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1951;

Địa chỉ: Xóm 12, xã TL, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

3.2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Phố SH, thị trấn HS, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

3.3. Anh Nguyễn Duy T1, sinh năm 1976 (con trai bà L và ông P1);

Địa chỉ: Xóm 13, xã TL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

3.4. Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1977 (con trai bà L và ông P1).

Địa chỉ: Xóm 13, xã TL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên.

3.5. Anh Nguyễn T2 T, sinh năm 1980 (con trai bà L và ông P1);

Địa chỉ: Xóm 13, xã TL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên.

3.6. Anh Nguyễn Khắc T2, sinh năm 1983 (con trai bà L và ông P1);

Địa chỉ: Xóm 13, xã TL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên. Anh T, anh T2, chị V đều ủy quyền cho bà Nguyễn Thị L là mẹ đẻ, văn bản ủy quyền ngày 18/6/2021. Bà L có mặt).

3.7. Anh Nguyễn Tiên T3, sinh năm 1993 (con trai bà C).

Địa chỉ: Số nhà 05, ngõ 610/1, phường TT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

3.8. UBND huyện Đại Từ; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang A - Chủ tịch UBND huyện (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Tiên P trình bày: Bố mẹ ông là cụ Nguyễn Văn D và cụ Vũ Thị K sinh được 06 người con gồm: Ông Nguyễn Tiên P, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn P1 (đã chết năm 2019 có vợ là bà Nguyễn Thị L và có 04 con), ông Nguyễn Cường Đ, bà Nguyễn Thị C (đã chết năm 1993 có 01 con), ông Nguyễn Văn T4(chết năm 1979 chưa có vợ con). Cụ Nguyễn Văn D chết năm 1991; cụ Vũ Thị K chết năm 2002 cả hai cụ chết không Đ lại di chúc. Di sản của hai cụ Đ lại gồm có: 01 nhà xây cấp 4 làm năm 1986, trên diện tích đất 4.973m² (trong đó có 400m² đất thổ cư và 4.573m² đất chè tại thửa số 33a và 33b. Tổng giá trị tài sản là 46.902.710đ (bốn mươi sáu triệu, chín trăm không hai nghìn, bảy trăm mười đồng). Số di sản này do ông Đ quản lý, sử dụng, nay ông đề nghị Tòa án chia thừa kế di sản mà bố mẹ các ông bà Đ lại theo pháp luật.

Với nội dung nêu trên, tại bản án sơ thẩm số 45/2005/DS-ST ngày 22/12/2005 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, đã xét xử và quyết định:

Áp dụng các Điều 25, 131 Bộ luật tố tụng dân sự ; Các Điều 675, 683, 685 Bộ luật dân sự;

Giao cho ông Nguyễn Cường Đ sở hữu 01 nhà cấp 4 và được sử dụng thổ cư 400m² và đất chè tại các thửa 33a và 33b có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vũ Thị K thuộc tờ bản đồ số 22 có tổng giá trị 46.902.710đ (bốn mươi sáu triệu, chín trăm không hai nghìn, bảy trăm mười đồng). Có trách nhiệm T1 toán cho ông P 5.000.000đ (năm triệu đồng), ông P1 5.000.000đ (năm triệu đồng), bà X 5.000.000đ (năm triệu đồng). Ông P có nghĩa vụ trả cho ông Đ 4.000.000đ (bốn triệu đồng) tiền phúng viếng. Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/01/2006 ông Nguyễn Tiên P có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Thứ nhất: Ông không thừa nhận số tiền mà khi mẹ ông còn sống đã vay mà ông Đ trả

nợ. Thứ hai số đất đai như đơn ông khởi kiện chưa được Tòa án huyện làm rõ. Thứ ba năm 2005 Công ty Liên doanh khoáng sản Núi Pháo lấy đất và hoa màu trên thổ cư của gia đình ông thì đề nghị số tiền đền bù theo mức bồi thường hiện hành năm 2006.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Tiến P và các đồng thừa kế đều xác nhận như sau: Bố mẹ các ông bà là cụ Nguyễn Văn D và cụ Vũ Thị K sinh được 06 người con gồm: Ông Nguyễn Tiến P, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn P1 (ông P1 đã chết năm 2019, ông P1 có vợ là bà Nguyễn Thị L và có 04 người con gồm: Nguyễn Duy T1, sinh năm 1976; Nguyễn Thị V, sinh năm 1977; Nguyễn TT, sinh năm 1980; Nguyễn Khắc T2, sinh năm 1983), ông Nguyễn Cường Đ, bà Nguyễn Thị C (bà C đã chết năm 1993 có 01 con là Nguyễn Tiến T3, sinh năm 1993), ông Nguyễn Văn T4 (ông T4 chết năm 1979 chưa có vợ con). Cụ Nguyễn Văn D chết năm 1991, cụ Vũ Thị K chết năm 2002 cả hai cụ chết không để lại di chúc. Di sản của hai cụ để lại gồm có: 01 nhà xây cấp 4 làm năm 1986, trên diện tích đất 4.973m² (trong đó có 400m² đất thổ cư và 4.573m² đất chè tại thửa số 33a và 33b có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Vũ Thị K được cấp năm 2000. Tại quyết định số 9085/QĐ-UB ngày 28/12/2018 của UBND huyện Đại Từ thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo, địa phận xã TL (đợt 10) và tại quyết định số 9086/QĐ-UB ngày 28/12/2018 của UBND huyện Đại Từ phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo (đợt 10, các khu của dự án) thì tổng số tiền thu hồi, phương án bồi thường, hỗ trợ cho nhà cửa, cây cối, đất đai có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Vũ Thị K là 2.803.544.500đ (hai tỷ, tám trăm linh ba triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn, năm trăm đồng) nay các đương sự tự nguyện T4 nhất thỏa thuận như sau: Tổng số tiền nhà nước thu hồi, đền bù 2.803.544.500đ trừ đi số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) khi cụ K mất mà ông Đ đã chi cho mai táng phí số còn lại chia đều cho 05 người con của cụ K và cụ D, ông P1 đã chết thì nay xuất của ông P1 chia cho vợ ông P1 và 04 người con của ông P1, bà C đã chết thì nay xuất của bà C, anh T3 là con duy nhất của bà C được hưởng. Ông T4 chết lúc trẻ chưa có vợ con nên không đặt ra vấn đề xem xét.

[2]. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét: Đây là vụ án chia thừa kế đã được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết từ năm 2005, do có kháng cáo của nguyên đơn, tuy nhiên vụ án đã tạm đình chỉ ở cấp phúc thẩm do nhiều nguyên nhân nên chưa được giải quyết, nay các đương sự

đã T4nhất được toàn bộ nội dung giải quyết vụ án. Như vậy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, do vậy Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Số tiền 2.803.544.500đ (làm tròn số 2.803.544.000đ) - 5.000.000đ tiền mai táng phí = 2.798.544.000đ, (hai tỷ, bảy trăm chín mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) đây là di sản của cụ D và cụ K chia đều cho 5 xuất thì mỗi xuất được hưởng 559.708.800đ. Cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Tiến P được hưởng 559.708.800đ (năm trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm linh tám nghìn, tám trăm đồng).

- Bà Nguyễn Thị X được hưởng 559.708.800đ (năm trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm linh tám nghìn, tám trăm đồng).

- Ông Nguyễn Cường Đ được hưởng 559.708.800đ + 5.000.000đ tiền mai táng phí = 564.708.800đ (năm trăm sáu mươi tư triệu, bảy trăm linh tám nghìn, tám trăm đồng).

- Bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Duy T1, chị Nguyễn Thị V, anh Nguyễn TT, anh Nguyễn Khắc T2 được hưởng 559.708.800đ (năm trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm linh tám nghìn, tám trăm đồng). Số tiền này chia đều cho 05 người, mỗi người được 111.941.760đ (một trăm mười một triệu, chín trăm bốn mươi một nghìn, bảy trăm sáu mươi đồng).

- Anh Nguyễn Tiến T3 được hưởng 559.708.800đ (năm trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm linh tám nghìn, tám trăm đồng).

Các đương sự có quyền đến UBND huyện Đại Từ để nhận số tiền theo Quyết định số 9086/QĐ-UB ngày 28/12/2018 của UBND huyện Đại Từ đã ban hành.

Các đương sự phải chịu tiền án phí theo số tiền được hưởng, tuy nhiên ông P, ông Đ, bà X, bà L là những người cao tuổi, do vậy căn cứ vào Nghị quyết số 326 của UBTVQH miễn án phí cho ông P, ông Đ, bà X, bà L. Các đương sự khác phải chịu án phí gồm: Anh T3, anh T, anh T1, anh T2, chị V. Cụ thể anh T3 phải chịu 26.388.352đ án phí chia tài sản có giá ngạch (làm tròn số 26.388.000đ). Anh T, anh T1, anh T2, chị V mỗi người phải chịu 5.597.088đ (làm tròn số 5.597.000đ) án phí chia tài sản.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300; Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự và miễn án phí cho những người cao tuổi là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300; Khoản 2 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 675, 683, 685 Bộ luật dân sự năm 2005, nay là Điều 611, 612, 613, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Tiến P. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm số: 45/2006/DS - ST ngày 12 tháng 12 năm 2005 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Ông Nguyễn Tiến P được hưởng số tiền 559.708.800đ, làm tròn số 559.708.000đ (năm trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm linh tám nghìn đồng).
2. Ông Nguyễn Cường Đ được hưởng số tiền 559.708.800đ (làm tròn số 559.708.000đ) cộng 5.000.000đ tiền mai táng phí = 564.708.000đ (năm trăm sáu mươi tư triệu, bảy trăm linh tám nghìn đồng).
3. Bà Nguyễn Thị X được hưởng số tiền 559.708.800đ, làm tròn số 559.708.000đ (năm trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm linh tám nghìn đồng).
4. Bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn TT, anh Nguyễn Duy T1, anh Nguyễn Khắc T2, chị Nguyễn Thị V được hưởng số tiền 559.708.800đ (làm tròn số 559.708.000đ). Cụ thể mỗi người được hưởng 111.941.760đ, làm tròn số 111.941.000đ (một trăm mười một triệu, chín trăm bốn mươi một nghìn đồng).
5. Anh Nguyễn Tiến T3 được hưởng số tiền 559.708.800đ, làm tròn số 559.708.000đ (năm trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm linh tám nghìn đồng).
6. UBND huyện Đại Từ có trách nhiệm chi trả cho các đương sự số tiền 2.803.544.500đ (hai tỷ, tám trăm linh ba triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn, năm trăm đồng) theo Quyết số 9086/QĐ-UB ngày 28/12/2018 của UBND huyện Đại Từ đã ban hành.
7. Về án phí: Miễn án phí cho ông Nguyễn Tiến P, ông Nguyễn Cường Đ, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị L do là người cao tuổi. Trả lại cho ông P tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 07319 ngày 10/5/2005 và 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 07475 ngày 03/01/2006 của Đội thi hành án huyện Đại Từ (nay là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ).

Anh Nguyễn TT, anh Nguyễn Duy T1, anh Nguyễn Khắc T2, chị Nguyễn Thị V, mỗi người phải chịu 5.597.088đ (làm tròn số 5.597.000đ) án phí chia tài sản. Anh

Nguyễn Tiến T3 phải chịu 26.388.352đ, làm tròn số 26.388.000đ (hai mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn đồng) án phí chia tài sản.

“Tr- ờng hợp bản án đ- ọc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND huyện Đại Từ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THA dân sự huyện Đại Từ;
- UBND huyện Đại Từ;
- UBND xã TL;
- Các đ- ơng sự;
- VT;
- L- u hồ sơ; Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quế